

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**  
**KHOA HỆ THỐNG THÔNG TIN**



**BÁO CÁO ĐỒ ÁN**

Môn học: Nhập môn công nghệ phần mềm

Học kỳ I (2021 – 2022)

**ĐỀ TÀI: HỆ THỐNG QUẢN LÝ TIỆC CƯỚI**

LỚP: CS4273.M11.CTTT

NHÓM 6

**SINH VIÊN THỰC HIỆN:**

- Ngô Đắc Lợi: 19521770
- Tăng Trí Đức: 19521382
- Nguyễn Trung Hiếu: 19521507
- Nguyễn Tiến Đức: 19521380

GVHD: Vũ Tuấn Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2021

## Mục lục

I.	Tổng quan	4
1.1.	Hiện trạng	4
1.2.	Định vị người dùng	5
1.2.1.	Khảo sát tổ chức	5
1.2.2.	Khảo sát nghiệp vụ	5
1.2.3.	Khảo sát hiện trạng	6
1.2.4.	Danh sách các yêu cầu	7
1.2.5.	Danh sách các biểu mẫu	7
II.	Mô hình Use-case	10
2.1.	Danh sách các Actor	10
2.2.	Sơ đồ Use-case	10
2.3.	Danh sách các Use-case	13
2.4.	Đặc tả Use-case	14
III.	Phân tích	23
3.1.	Sơ đồ trình tự	23
3.1.1.	Information	23
3.1.2.	Booking	24
3.1.3.	Update booking	24
3.1.4.	Checking booking	25
IV.	Thiết kế dữ liệu	26
4.1.	Sơ đồ logic	26
4.2.	Mô tả chi tiết các kiểu dữ liệu trong sơ đồ logic	27
V.	Thiết kế giao diện	30
5.1.	Danh sách các màn hình	30
5.2.	Mô tả chi tiết các màn hình	31
5.2.1.	Màn hình chính	31
5.2.2.	Màn hình đăng ký	32
5.2.3.	Màn hình News	33
5.2.4.	Màn hình Booking	35
5.2.5.	Màn hình đang Halls	36
5.2.6.	Màn hình Bills	45
VI.	Kết luận	36
6.1.	Môi trường phát triển và Môi trường triển khai	36
6.2.	Kết quả đạt được	37
6.2.1.	Ưu điểm	37
6.2.2.	Nhược điểm	37
6.3.	Hướng phát triển	38
6.4.	Bảng phân công công việc	38

# I. CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN

**Tên đề tài:** Hệ thống quản lý tiệc cưới

**Phần mềm sử dụng:**

- Front-End: Java Script, CSS
- Back-End: Python
- Database: DB browser (SQ Lite)

## 1.1 Hiện trạng:

Hiện nay, với sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tổ chức sự kiện đám cưới, do đó nhà hàng tiệc cưới được xây dựng ngày càng nhiều trên thế giới để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của các cặp đôi. Tuy nhiên, việc tương tác với khách hàng luôn gặp khó khăn. Khách hàng luôn phải chạy khắp các nhà hàng tiệc cưới để đặt được chỗ tổ chức đám cưới. Hơn thế nữa, khách hàng không thể nắm rõ được sảnh hay thời gian tổ chức cụ thể cho tới khi họ đến nơi tổ chức sự kiện đám cưới, việc đặt chỗ thủ công và không cho khách hàng lựa chọn sảnh gây cho người muốn tổ chức 1 sự khó chịu. Về lâu về dài, những bất tiện này cũng ít nhiều ảnh hưởng đến thu nhập của các nhà hàng tiệc cưới. Vì vậy, việc tạo ra hệ thống tương tác giữa khách hàng và nơi tổ chức sự kiện đám cưới là một nhu cầu tất yếu. Thêm vào đó nó còn giúp cho việc phục vụ và chăm sóc ngày càng trở nên đơn giản hơn, nhanh chóng hơn, hiệu quả hơn và dễ dàng hơn. Hơn thế, nó góp phần giảm thời gian của khách hàng.

“Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D” đã áp dụng tin học hóa các công tác quản lý bằng phần mềm với các chức năng cơ bản như quản lý nơi đặt chỗ, quản lý thông tin khách hàng, quản lý sự kiện tiệc cưới, quản lý nhân viên, quản lý thời gian tổ chức đám cưới ....Tuy nhiên, vẫn chưa thực sự có được một trang web hoàn chỉnh để tương tác trực tiếp giữa khách hàng với hệ thống. Ngoài ra, việc đặt chỗ tổ chức đám cưới một cách thủ công vẫn chưa thể giải quyết.

Để giải quyết vấn đề trên, cần một giải pháp mang tính thực tiễn, cần xây dựng nên một hệ thống phục vụ công tác quản lý các nhà hàng tiệc cưới thuộc hệ thống “Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D”, đồng thời tạo nên kênh thông tin chính thức để quảng bá thương hiệu đến với người tiêu dùng. Hệ thống được xây dựng phải là một hệ thống quản lý tích hợp, lưu trữ thông tin tập trung của các nhà hàng tiệc cưới để dễ dàng tương tác với khách hàng. Bên cạnh đó, “Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D” của chúng tôi cũng cần chuẩn hóa quy trình và cải thiện các công việc, để việc ứng dụng công nghệ thông tin thực sự có hiệu quả và trở nên an toàn, bảo mật cho khách hàng.

## **1.2 Định vị người dùng**

### **1.2.1 Khảo sát tổ chức**

Quản lý tiệc cưới bao gồm hai bộ phận chính: người dùng và quản trị viên.

### **1.2.2 Khảo sát nghiệp vụ**

Tiệc cưới chủ yếu gồm những sảnh và thời gian còn trống hoặc đã được hủy, nguồn doanh thu cũng đến từ hoạt động đặt chỗ tổ chức tiệc cưới của người dùng đối với những loại dịch vụ mà họ muốn trong sự kiện tiệc cưới của họ.

#### **1.2.2.1 Quy trình xem, tìm kiếm danh sách các sảnh, thời gian và đồ ăn**

- B1: Khách hàng vào Trang Chủ.
- B2: Khách hàng xem danh sách các sảnh, thời gian và đồ ăn đã được đặt hoặc đang trống trên Trang Chủ hoặc danh sách tên khách hàng được lọc bằng nội dung trên ô “Tìm theo tên”.

#### **1.2.2.2 Quản lý dịch vụ**

Người quản lý sẽ phải quản lý những sảnh có trong trang web của mình bằng cách:

- Thêm dịch vụ.
- Cập nhật dịch vụ.
- Xóa dịch vụ.

#### 1.2.2.3 Quản lý cụm sảnh

Người quản lý của Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D sẽ phải quản lý cụm sảnh bằng cách:

- Thêm sảnh mới được hoàn thiện đã thỏa yêu cầu.
- Cập nhật sảnh mới được hoàn thiện đã thỏa yêu cầu.
- Xóa nhà sảnh mới được hoàn thiện nhưng chưa thỏa yêu cầu.

#### 1.2.2.4 Quản lý số lượng bàn tiệc của từng sảnh

Người quản lý của Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D sẽ phải quản lý số lượng bàn tiệc bằng cách:

- Tạo danh sách bàn tiệc chưa thêm.
- Tạo danh sách bàn tiệc đã thêm.

#### 1.1.2.6 Quản lý lịch diễn ra tổ chức sự kiện đám cưới

Người quản lý sẽ phải quản lý lịch diễn ra tổ chức sự kiện đám cưới bằng cách:

- Cập nhật thời gian diễn ra.
- Thêm dịch vụ đặc biệt đang có trong lịch diễn ra sự kiện của từng sảnh (nếu có).
- Cập nhật ngày bắt đầu và kết thúc của sự kiện đám cưới.

#### 1.1.2.7 Quản lý giá

Người quản lý sẽ lập ra 1 bảng thống kê giá bao gồm :

- Tổng số khách hàng.
- Tổng số sảnh có trong Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D.
- Tổng số dịch vụ có trong Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D.
- Tổng số đặt trước

#### 1.1.2.8 Quy trình đặt chỗ tổ chức đám cưới

- B1: Người dùng chọn sảnh mà họ muốn xem.
- B2: Chọn dịch vụ, thời gian mà họ muốn tổ chức.
- B3: Chọn bàn tiệc trong sảnh của Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D và thanh toán dịch vụ mà họ đã đặt.

### 1.2.3 Khảo sát hiện trạng

#### 1.2.3.1 Tình trạng tin học

Đối với nhân viên trong nhà hàng tiệc cưới, độ tuổi thường ở mức 20-30 tuổi. Còn với quản lý nhà hàng tiệc cưới thì thâm niên hơn hoặc trên 30. Do vậy trình độ tin học của người sử dụng nằm ở mức khá.

### 1.2.3.2 Tình trạng phần cứng

Phần cứng: hầu như tất cả các người dùng đều có thể dùng thiết bị có thể kết nối với Internet.

### 1.2.4 Danh sách các yêu cầu

STT	Tên yêu cầu	Biểu mẫu	Qui định	Ghi chú
1	Tiếp nhận Sản phẩm	BM1	QĐ1	
2	Nhận đặt Tiệc Cưới	BM2	QĐ2	
3	Tra cứu Tiệc Cưới	BM3		
4	Lập hóa đơn thanh toán	BM4	QĐ4	
5	Lập báo cáo tháng	BM5		
6	Thay đổi qui định		QĐ6	

### 1.2.5 Danh sách các biểu mẫu và qui định

#### 1.2.5.1 Biểu mẫu 1 và qui định 1

BM1:	Danh Sách Sản phẩm				
STT	Tên Sản phẩm	Loại Sản phẩm	Số Lượng Bàn Tối Đa	Đơn Giá Bàn Tối Thiểu	Ghi Chú
1					
2					

**QĐ1:** Có 5 loại Sản phẩm (A, B, C, D, E) với đơn giá bàn tối thiểu tương ứng là (1.000.000, 1.100.000, 1.200.000, 1.400.000, 1.600.000)

#### 1.2.5.2 Biểu mẫu 2 và qui định 2

<b>BM2:</b>	<b>Đặt Tiệc Cưới</b>		
Tên chú rể:	Tên cô dâu:	Điện thoại:	
Ngày:	Ca:	Sản phẩm:	
Tiền đặt cọc:	Số lượng bàn:	Số bàn dự trữ:	
Đặt bàn			
<b>STT</b>	<b>Tên Món Ăn</b>	<b>Đơn Giá</b>	<b>Ghi Chú</b>

1			
2			
Các dịch vụ khác			
STT	Dịch vụ	Số lượng	Đơn giá
1			
2			

**QĐ2:** Chỉ nhận đặt tiệc khi sảnh chưa có người đặt (tương ứng với ngày và ca). Có hai ca (Trưa, Tối). Ngoài ra có 20 dịch vụ, 100 món ăn.

### 1.2.5.3 Biểu mẫu 3 và qui định 3

<b>BM3:</b>	<b>Danh Sách Tiệc Cưới</b>					
<b>STT</b>	<b>Tên Chú Rể</b>	<b>Tên Cô Dâu</b>	<b>Sảnh</b>	<b>Ngày</b>	<b>Giờ</b>	<b>Số Lượng Bàn</b>
1						
2						

**QĐ4:** Đơn giá thanh toán các dịch vụ được tính theo đơn giá trong phiếu đặt tiệc cưới. Ngày thanh toán trùng với ngày đãi tiệc, thanh toán trễ phạt 1% ngày.

### 1.2.5.4 Biểu mẫu 4 và qui định 4

<b>BM4:</b>	<b>Hóa Đơn Thanh Toán</b>			
Tên chú rể:	Tên cô dâu:	Ngày thanh toán:		
Số lượng bàn:	Đơn giá bàn:	Tổng tiền bàn:		
<b>STT</b>	<b>Dịch Vụ</b>	<b>Số Lượng</b>	<b>Đơn Giá</b>	<b>Thành Tiền</b>
1				
2				
Tổng tiền dịch vụ:				
Tổng tiền hóa đơn:				
Tiền đặt cọc:				
Còn lại:				

### 1.2.5.5 Biểu mẫu 5 và qui định 5

<b>BM5:</b>	<b>Báo Cáo Doanh Số</b>
-------------	-------------------------

Tháng:..... Tổng doanh thu:.....				
STT	Ngày	Số Lượng Tiệc Cưới	Doanh Thu	Tỉ Lệ
1				
2				

### 1.2.5.6 Qui định 6

**QĐ6:** Người dùng có thể thay đổi các qui định như sau:

- + QĐ1: Thêm, bớt, cập nhật các loại sảnh và đơn giá tối thiểu tương ứng.
- + QĐ2: Thay đổi cập nhật lại loại ca, dịch vụ, món ăn.
- + QĐ4: Sử dụng hay không sử dụng qui định phạt.

## 1.1.5 Các yêu cầu của hệ thống

### 1.1.5.1 Các yêu cầu (YC) căn bản bắt buộc

YC1	Quản lý lưu trữ tất cả thông tin cần thiết cho hệ thống (sảnh, khách hàng, khuyến mãi, tin tức, ...).
YC2	Tìm kiếm, tra cứu các thông tin cần để xử lý một cách tức thời.
YC3	Thanh toán dịch vụ đặt online một cách tự động.
YC4	Thực hiện được các thống kê, báo biểu cần thiết.
YC5	Các hóa đơn, biểu mẫu, báo cáo,... có thể in ra giấy hoặc điện tử.

*Bảng biểu mẫu các yêu cầu căn bản, bắt buộc*

### 1.1.5.2 Các yêu cầu (YC) cần thiết

YC6	Có thể tính toán, thống kê tại thời điểm diễn ra yêu cầu.
YC7	Tự động cập nhật với khách hàng số lượng dịch vụ có trong Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D hiện có và các vị trí trống của bàn tiệc tương ứng với sảnh được chọn.

*Bảng biểu mẫu các yêu cầu cần thiết*

### 1.2.5.1 Các yêu cầu (YC) mong muốn



YC8	Dễ dàng trong lúc nâng cấp hoặc thêm các module tiện ích mới.
YC9	Trang Web hoạt động ổn định, đáng tin cậy và an toàn trong giao dịch.
YC10	Hoạt động tốt với tất cả trình duyệt web phổ biến hiện nay (CocCoc, FireFox, Chrome).
YC11	Trang Web nhẹ, thời gian phản hồi nhanh.

*Bảng biểu mẫu các yêu cầu mong muốn*

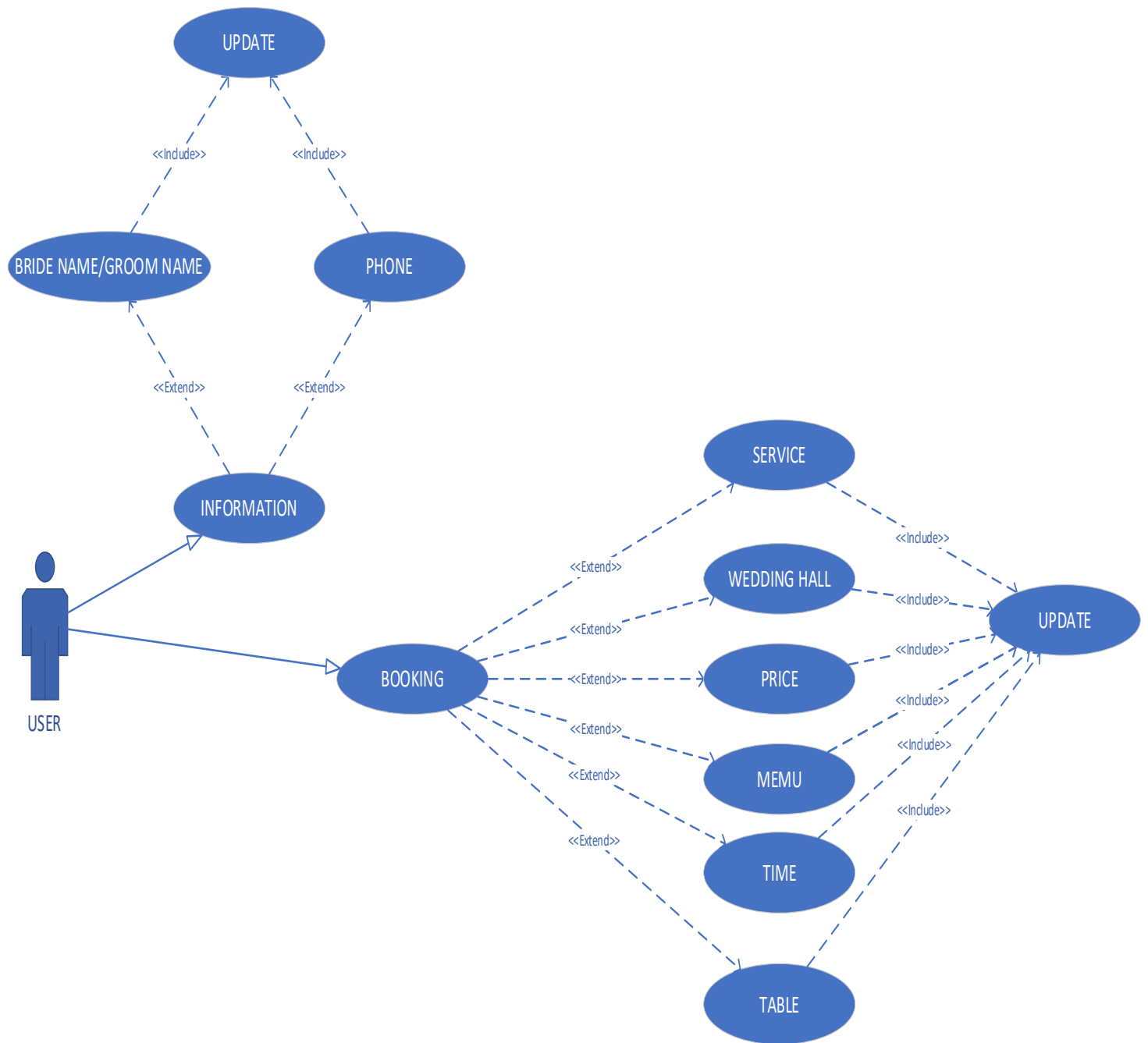
## II. CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH USECASE

### 2.1 Danh sách các Actor

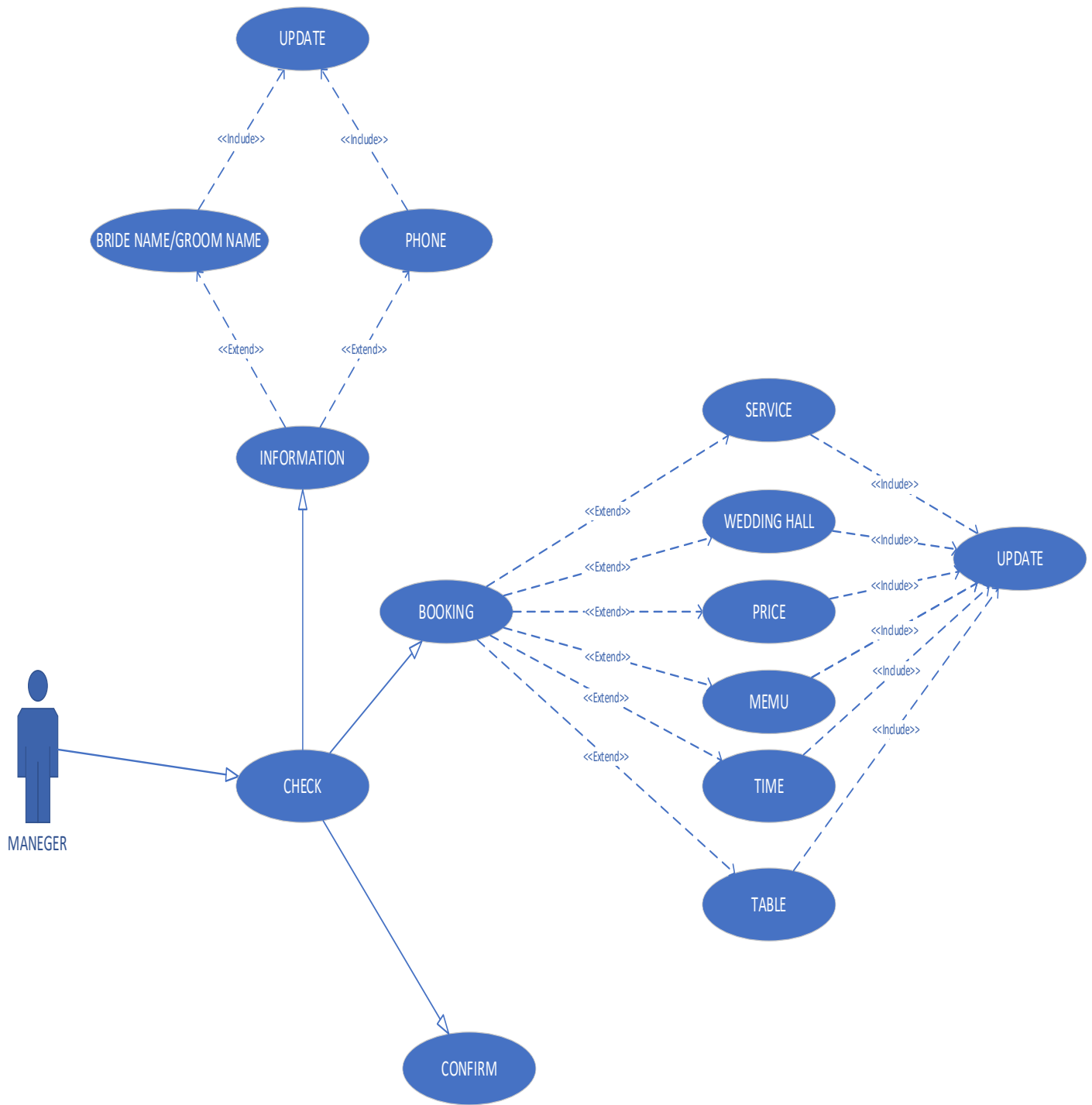
STT	Tên actor	Ý nghĩa, ghi chú
1	Quản trị viên	Chịu trách nhiệm về đặt trước (kiểm tra ,xóa, update), về thông tin (thêm, xóa, update)
2	Khách hàng	Xem, tìm kiếm sản phẩm, đặt chỗ, thanh toán, thay đổi thông tin đặt chỗ

### 2.2 Sơ đồ Usecase

#### 2.2.1 Usecase cho User



### 2.2.2 Usecase cho Manger



## 2.3 Danh sách các Usecase

STT	Tên usecase	Ý nghĩa, ghi chú
1	Thông tin	Chứa tên chú rể + cô dâu và SĐT
2	Đặt trước	Đặt trước thực hiện trực tiếp trên hệ thống
3	Sánh cưới	Tìm thông tin về sánh cưới
4	Dịch vụ	Tìm thông tin về dịch vụ cho đám cưới trên hệ thống
5	Giá	Lựa chọn loại giá trực tuyến trên hệ thống
6	Cập nhật	Cập nhập và thanh toán trực tuyến phí dịch vụ sau khi đặt sánh
7	Thực đơn	Lựa chọn loại đồ ăn cho bữa tiệc thực hiện trực tiếp trên hệ thống
8	Thời gian	Chọn thời gian muốn tổ chức tiệc cưới
9	Bàn tiệc	Quản lý số lượng bàn tiệc được đặt cho sánh
10	Kiểm tra	Kiểm tra thông tin và đặt trước của khách hàng
11	Quản lý bàn tiệc	Thêm, xóa, cập nhật bàn tiệc trên hệ thống
12	Quản lý sánh	Thêm, xóa, cập nhật sánh cưới trên hệ thống
13	Giá	Hiển thị thống kê giá của từng sánh sau khi được đặt trước
14	Quản lý dịch vụ	Thêm, xóa, cập nhật các dịch vụ
15	Quản lý thông tin	Quản lý thông tin khách hàng
16	Quản lý thời gian	Thêm, cập nhật thời gian
17	Quản lý thực đơn	Quản lý thực đơn của khách hàng để chuẩn bị cho tiệc cưới

## 2.4 Đặc tả Usecase cho User

### 2.4.1 Đặc tả Usecase thông tin

Usecase thông tin		
Mô tả	Người dùng điền thông tin	
Tác nhân	Khách hàng	
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
	1. Người dùng nhấn vào nút điền thông tin	2. Hiện thị form thông tin
	3. Nhập tên chú rể + cô dâu và SĐT vào form	4. Kiểm tra tên chú rể + cô dâu và SĐT
		5. Thông báo lưu trữ thông tin thành công
Luồng thay thế	A1. Người dùng nhập sai tên chú rể + cô dâu và SĐT	
	A2. Yêu cầu nhập lại tên chú rể + cô dâu và SĐT vào form	
	A3. Quay lại bước 2 trong luồng chính	
Điều kiện trước	Người dùng phải là người đặt chỗ trên hệ thống	
Điều kiện sau	Đã vào hệ thống lưu trữ thông tin	

### 2.4.2 Đặc tả Usecase tìm dịch vụ (sảnh)

Usecase tìm dịch vụ (sảnh)		
Mô tả	Tìm kiếm dịch vụ (sảnh)	
Tác nhân	Khách hàng	
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
	1. Điền tên dịch vụ (sảnh)	2. Hiện thị từ khóa gợi ý
	3. Nhấn vào mục dịch vụ để tìm kiếm	4. Hiện thị danh sách dịch vụ (sảnh)
	5. Chọn vào dịch vụ (sảnh) cần tìm	6. Hiện thị giao diện thông tin về dịch vụ (sảnh)
Luồng thay thế	A1. Dịch vụ (sảnh) không tồn tại	
	A2. Yêu cầu nhập lại tên dịch vụ (sảnh)	
	A3. Quay lại bước 1 trong luồng chính	
Điều kiện trước		
Điều kiện sau	Tìm kiếm dịch vụ (sảnh) thành công	

### 2.4.3 Đặc tả Usecase tìm sảnh cưới

Use case tìm sảnh cưới		
Mô tả	Tìm kiếm sảnh cưới	
Tác nhân	Khách hàng	
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
	1. Người dùng click vào mục sảnh cưới để tìm kiếm	2. Hiện thị danh sách gợi ý sảnh cưới có bối cảnh đẹp
	3. Chọn tên sảnh cưới muốn xem.	3. Hiện thị giao diện thông tin về sảnh cưới
Luồng thay thế	A1. Sảnh cưới hết chỗ	
	A2. Yêu cầu tìm kiếm sảnh cưới khác	
	Quay lại bước 3 trong luồng chính	
Điều kiện trước		
Điều kiện sau	Tìm kiếm sảnh cưới thành công	

#### 2.4.3 Đặc tả Usecase tìm kiếm giá + thực đơn + bàn

Use case tìm kiếm giá + thực đơn + bàn		
Mô tả	Tìm kiếm giá + thực đơn + bàn	
Tác nhân	Khách hàng	
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
	1. Nhấn vào mục giá và thực đơn cần đặt cho tiệc cưới của họ	2. Mở giao diện chọn loại giá và thực đơn
	3. Chọn bàn	4. Mở giao diện loại bàn
	5. Bấm nút xác nhận	6. Kiểm tra và xuất thông tin tìm kiếm
		7. Lưu thông tin tìm kiếm giá + thực đơn + bàn
Luồng thay thế	A1. Giá + thực đơn + bàn không tồn tại	
	A2. Yêu cầu nhập loại giá + thực đơn + bàn	
	Quay lại bước 1 luồng chính.	
Điều kiện trước		
Điều kiện sau	Tìm kiếm giá + thực đơn + bàn thành công	

#### 2.4.4 Đặc tả Usecase xem thời gian

Usecase xem thời gian	
Mô tả	Người dùng xem các thời gian cho tổ chức sự kiện tiệc cưới

Tác nhân	Khách hàng	
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
	1. Nhấn vào mục thời gian để xem	2. Hiện thị danh sách thời gian tổ chức
	3. Người dùng click vào ô thời gian họ muốn tổ chức	4. Gửi thông báo trạng thái người dùng đã click vào thời gian
Luồng thay thế	A1. Thời gian đã bị trùng	
	A2. Yêu cầu click lại vào ô thời gian	
	Quay lại bước 3 trong luồng chính	
Điều kiện trước		
Điều kiện sau	Xem và lưu thời gian lựa chọn thành công	



## 2.5 Đặc tả Usecase cho manager

### 2.5.1 Đặc tả thông tin

Use case thông tin		
Mô tả	Kiểm tra thông tin và liên hệ với khách hàng	
Tác nhân	Quản trị viên.	
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
	1. Click vào mục thông tin	2. Hiện thị thông tin của từng khách hàng
	3. Xác nhận lại thông tin với khách hàng	3. Hiện thị danh sách khách hàng đã xác nhận
Luồng thay thế		
Điều kiện trước	Quản trị viên thuộc Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D	
Điều kiện sau		

### 2.5.1 Đặc tả Usecase quản lý dịch vụ (sảnh)

Use case quản lý dịch vụ (sảnh)		
Mô tả	Thực hiện thêm, xóa, cập nhật dịch vụ (sảnh)	
Tác nhân	Quản trị viên	
	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
Luồng chính	1. Chọn mục quản lý dịch vụ (sảnh)	2. Hiện thị giao diện quản lý.

	3. Chọn thêm dịch vụ (sảnh)	4. Hiện thị giao diện thêm dịch vụ (sảnh)
	5. Nhập thông tin dịch vụ (sảnh)	
	6. Chọn lưu dữ liệu.	7. Kiểm tra thông tin hợp lệ.
		8. Lưu vào CSDL.
Luồng thay thế	A1. Dịch vụ (sảnh) không hợp lệ.	
	Hiện thị thông báo không hợp lệ.	
	Quay lại bước 2 luồng chính.	
	A2. Xóa dịch vụ (sảnh)	
	Chọn một dịch vụ (sảnh) từ danh sách khách hàng	
	Nhấn nút xóa.	
	Hệ thống kiểm tra dịch vụ (sảnh) được phép xóa hay không.	
	Xóa khỏi danh sách.	
	Quay lại bước 8 trong luồng chính.	
	A3. Cập nhật dịch vụ (sảnh)	
	Chọn dịch vụ từ danh sách.	
	Nhấn nút cập nhật.	
	Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật.	
	Nhập thông tin mới.	
	Quay lại bước 6 trong luồng chính.	
Điều kiện trước	Đăng nhập hệ thống bằng tài khoản Quản trị viên do Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D cấp	
Điều kiện sau		

### 2.5.2 Đặc tả Usecase quản lý sảnh cưới

Use case quản lí sảnh cưới		
Mô tả	Quản lí sảnh cưới khách hàng đặt	
Tác nhân	Quản trị viên.	
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
	1. click mục quản lí sảnh cưới	2. Hiện thị các form danh sách sảnh cưới của khách hàng
	3. Người dùng chọn sảnh cưới muốn kiểm tra	3. Hiện thị các thông tin về sảnh cưới
Luồng thay thế		
Điều kiện trước	Đăng nhập hệ thống bằng tài khoản Quản trị viên do Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D cấp	
Điều kiện sau		

### 2.5.3 Đặc tả Usecase quản lý giá + thực đơn + bàn

Use case quản lí giá + thực đơn + bàn		
Mô tả	Thực hiện thay đổi giá + thực đơn + bàn	
Tác nhân	Quản trị viên.	
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
	1. Người dùng click mục quản lí giá + thực đơn + bàn	2. Hiện thị các form danh sách gồm giá + thực đơn + bàn
	3. Người dùng chọn thêm thực đơn hoặc bàn	4. Hiện thị giao diện thêm thực đơn hoặc bàn
	6. Chọn lưu dữ liệu	7. Kiểm tra dữ liệu mới
		8. Lưu dữ liệu vào CSDL

Luồng thay thế	A1. Giá + thực đơn + bàn không hợp lệ.
	Hiện thị thông báo không hợp lệ.
	Quay lại bước 2 luồng chính.
	A2. Xóa giá + thực đơn + bàn
	Chọn giá + thực đơn + bàn từ danh sách
	Nhấn nút xóa
	A3. Cập nhật thực đơn + bàn
	Chọn thực đơn + bàn từ giao diện thêm
	Nhấn nút cập nhật
	Hệ thống hiện thị giao diện cập nhật
	Nhập thông tin mới
	Quay lại bước 6 trong luồng chính
Điều kiện trước	Đăng nhập hệ thống bằng tài khoản Quản trị viên do Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D cấp
Điều kiện sau	

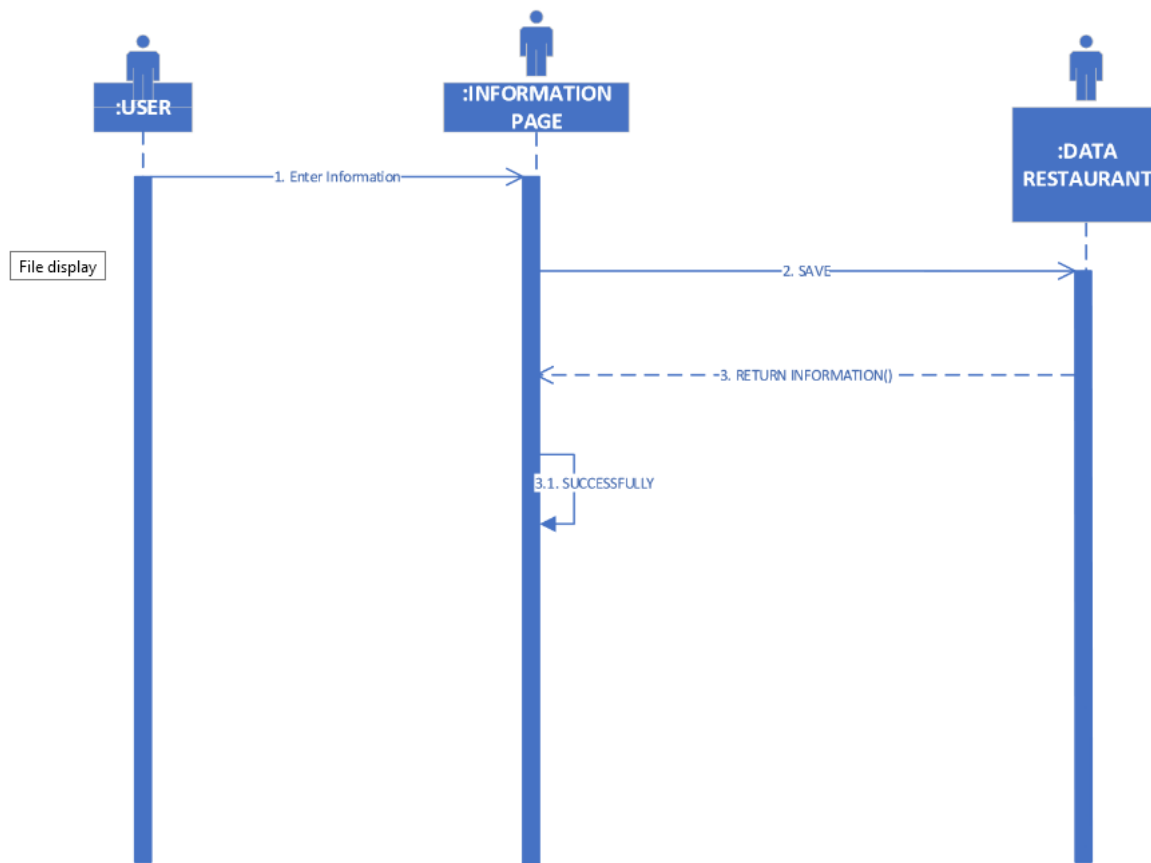
#### 2.5.4 Đặc tả Usecase quản lý thời gian

Use case quản lý thời gian		
Mô tả	Quản lý thời gian	
Tác nhân	Quản trị viên.	
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống
	1. Người dùng click mục quản lý thời gian	2. Hiện thị danh sách thời gian
	3. Người dùng thời gian muốn xem.	3. Hiện thị giao diện thời gian đã đặt
Luồng thay thế		
Điều kiện trước	Đăng nhập hệ thống bằng tài khoản Quản trị viên do Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D cấp	
Điều kiện sau		

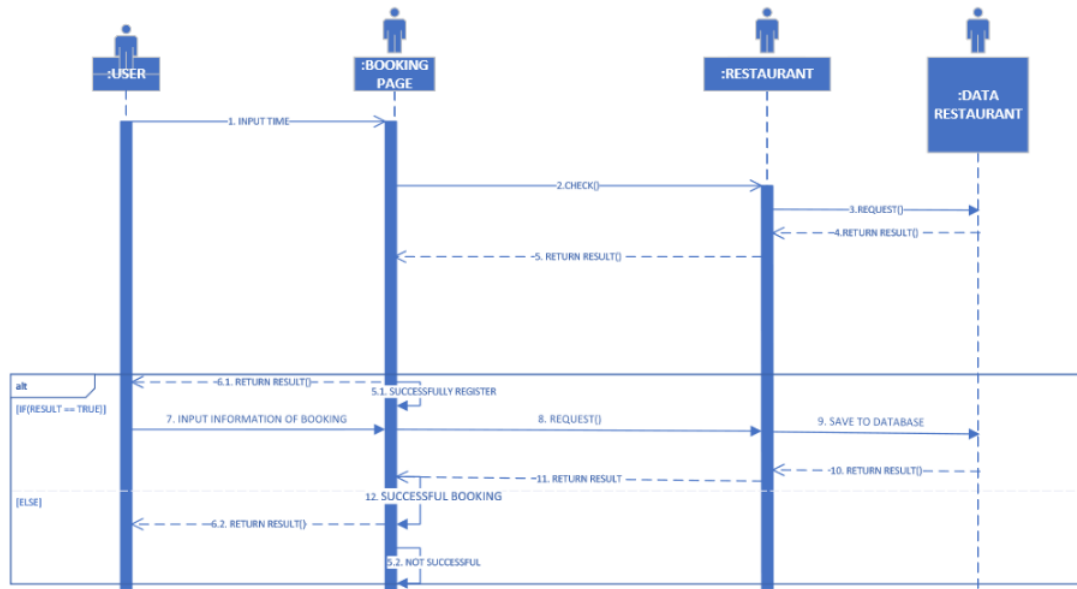
### III. CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH

#### 3.1 Sơ đồ tuần tự

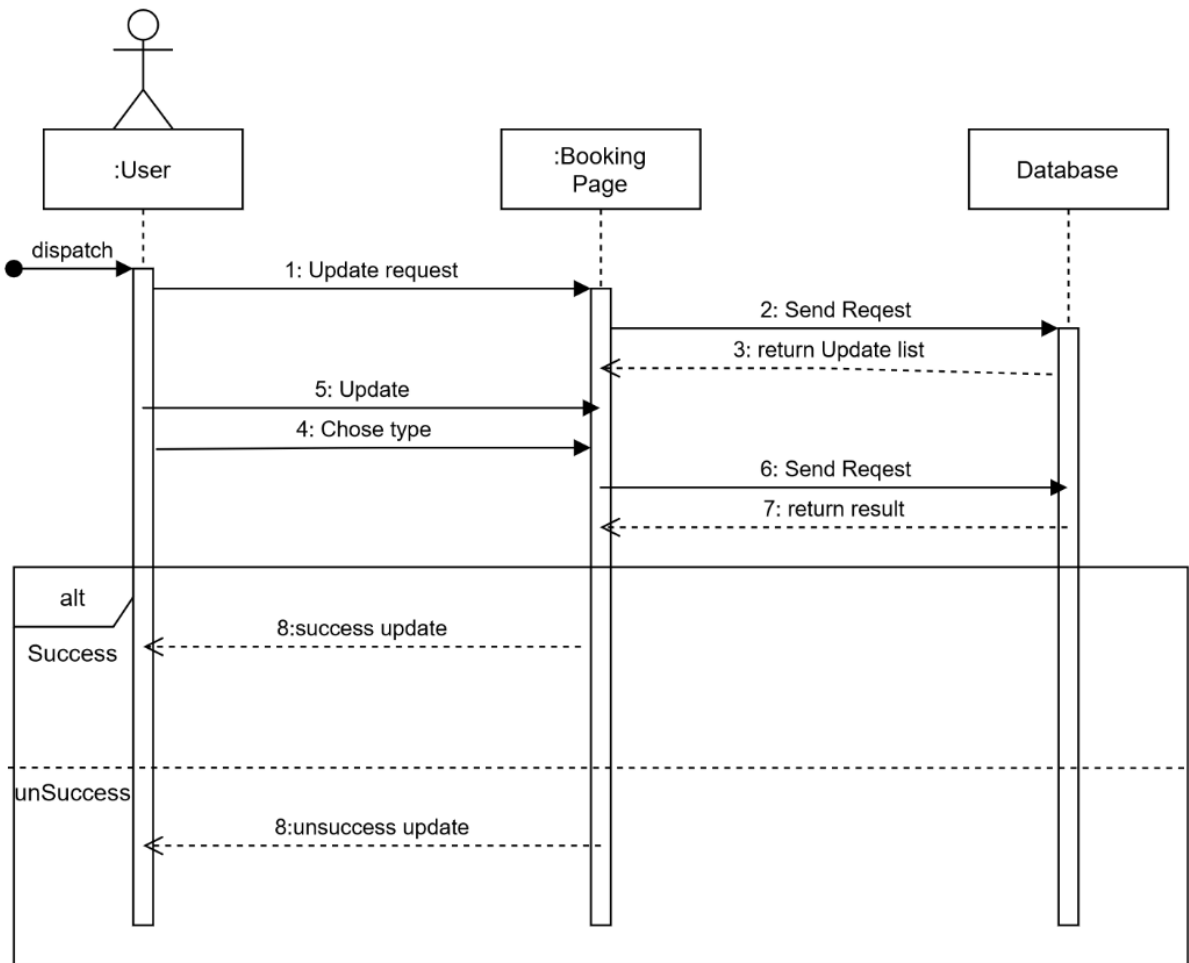
##### 3.1.1 Information



### 3.1.2 Booking

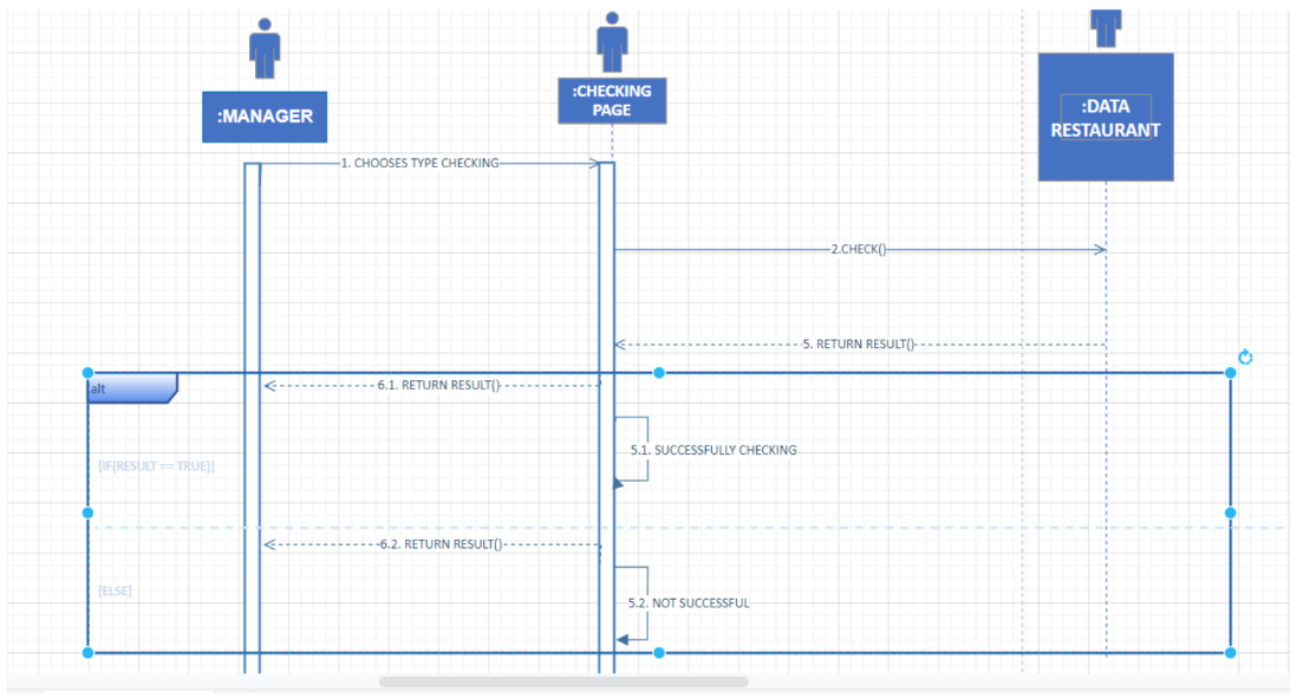


### 3.1.3 Update booking



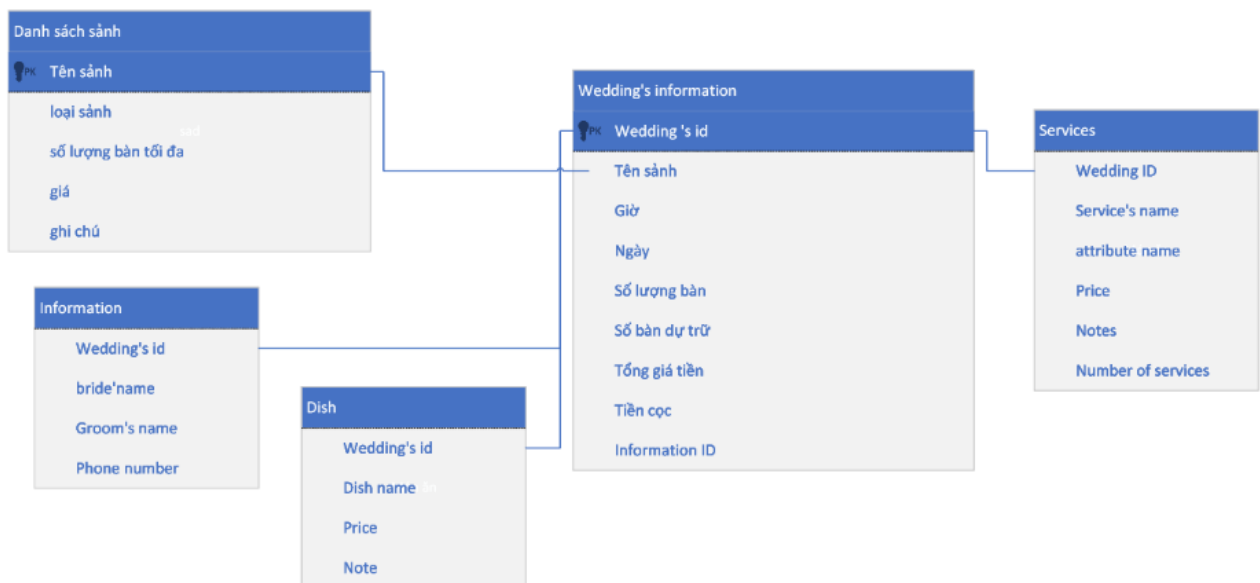
### 3.1.4 Check Booking





## IV. CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ DỮ LIỆU

### 4.1 Sơ đồ logic



## 4.2 Mô tả chi tiết các thành phần trong sơ đồ logic

STT	Tên table	Diễn giải
1	Sảnh	Lưu trữ thông tin sảnh
2	Thông tin	Lưu trữ thông tin chú rể + cô dâu và SĐT
3	Món ăn	Lưu trữ thông tin món ăn
4	Thông tin đám cưới	Lưu trữ thông tin đám cưới
5	Dịch vụ	Lưu trữ thông tin các dịch vụ

### 4.2.1 Bảng danh sách sảnh

STT	Tên thuộc tính	Kiểu	Ràng buộc	Ý nghĩa/ghi chú
1	Loại sảnh	ObjectID	Khóa chính, khác null, không được trùng lặp	Tên sảnh
2	SL bàn tối đa	Int		SL bàn được phép đặt
3	Giá	String		Giá cho từng loại sảnh

#### 4.2.2 Bảng Information

STT	Tên thuộc tính	Kiểu	Ràng buộc	Ý nghĩa/ghi chú
1	Wedding's Id	ObjectID	Khóa chính, khác null, không được trùng lặp	Mã của tiệc cưới
2	Bride' name	Text		Tên chú rể
3	Groom' name	Text		Tên cô dâu
4	Phone Number	String		SĐT

#### 4.2.3 Bảng Dish

STT	Tên thuộc tính	Kiểu	Ràng buộc	Ý nghĩa/ghi chú
1	Wedding's Id	ObjectID	Khóa chính, khác null, không được trùng lặp	Mã của tiệc cưới
2	Dish name	String		Tên món ăn
3	Price	String		Giá cho món ăn
4	Note	String		Ghi chú từng món ăn

#### 4.2.4 Bảng Wedding's Information

STT	Tên thuộc tính	Kiểu	Ràng buộc	Ý nghĩa/ghi chú
1	Wedding's Id	ObjectID	Khóa chính, khác null, không được trùng lặp	Mã của tiệc cưới
2	Tên sảnh	String		Tên sảnh
3	Giờ	time		Thời gian diễn ra tiệc cưới
4	Ngày	Date		Ngày diễn ra tiệc cưới
5	SL bàn	Int		SL bàn đã đặt
6	Số bàn dự trữ	String		Số bàn có thể cung cấp thêm
7	Tổng giá tiền	String		Số tiền cần thanh toán
8	Tiền cọc	String		Tiền ứng trước cho nơi tổ chức sự kiện tiệc cưới
9	Information Id	Object Id		Nơi chứa thông tin khác hàng

#### 4.2.5 Bảng Dịch vụ

STT	Tên thuộc tính	Kiểu	Ràng buộc	Ý nghĩa/ghi chú
1	Wedding's Id	ObjectID	Khóa chính, khác null, không được trùng lặp	Mã của tiệc cưới

2	Service's name	String		Tên của từng dịch vụ
3	Attribute name	String		
4	Price	String		Giá tiền cần thanh toán cho dịch vụ
5	Note	String		Ghi chú cho từng loại dịch vụ
6	Number of services	Number		Số lượng dịch vụ có trong phân dịch vụ

## CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ GIAO DIỆN

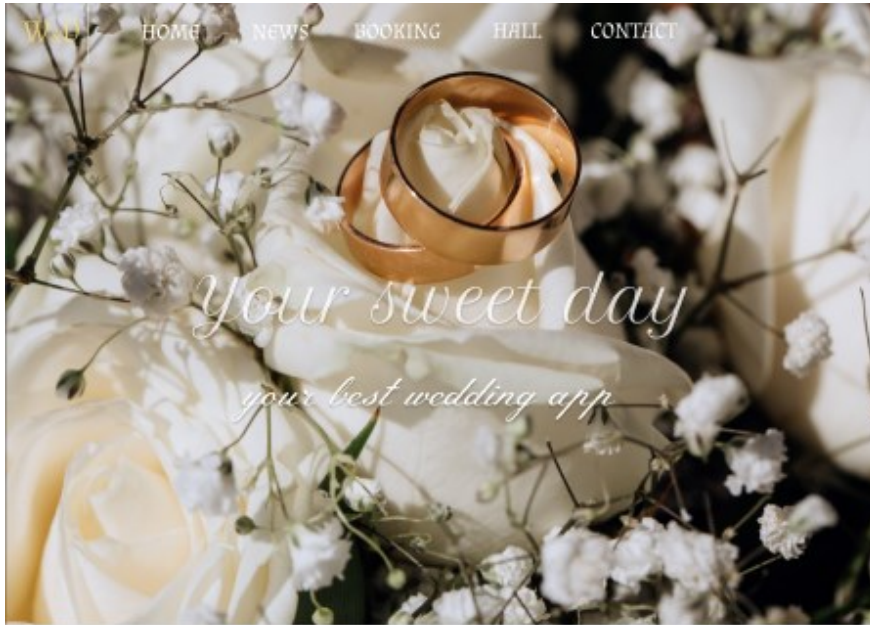
### 5.1 Danh sách các màn hình

STT	Tên màn hình	Loại màn hình	Chức năng
1	Home	Màn hình chính, màn hình tra cứu	Hiển thị thông tin, tình trạng danh mục sách
2	News	Màn hình tin tức về Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D	Hiển thị những mục đích của Tổ chức quản lý tiệc cưới W&D muốn đem đến cho khách hàng
3	Booking	Màn hình điền thông tin	Hiển thị ngày, ca, sảnh, SL bàn, thực đơn, dịch vụ, thêm, tên, SĐT, Mail
4	Hall	Màn hình tìm tất cả các loại sảnh	Tra cứu và đọc thông tin của từng loại sảnh
5	Contact	Màn hình hiện thông tin liên lạc	Hiện thông tin liên lạc sau khi khách hàng đặt để quản lý liên hệ
6	Bill	Màn hình hiện List	Hiện thị thông tin List

## 5.2 Mô tả chi tiết các màn hình

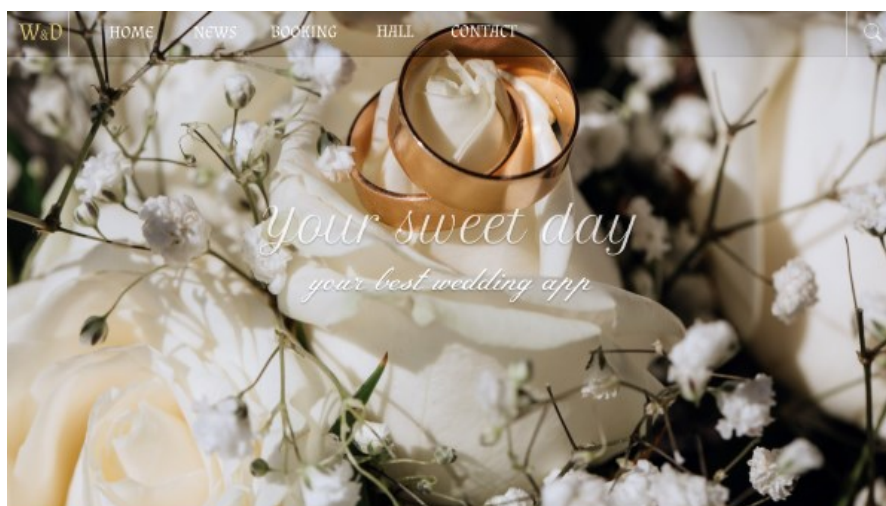
### 5.2.1 Màn hình chính

- Giao diện



### 5.2.2 Màn hình đăng ký

- Giao diện



## W&D CONTACT

Place:xx/xxx, Pxx, Q.xx, Tp.HCM  
 Phone Number:0909xxxxxx  
 Email:W&D@gmail.com  
 Website:W&D.vn

Any feedback, suggestions about services, products, orders, business cooperation please contact here we will respond as soon as possible.

Or contact the hotline: 0909xxxxxx

We look forward to the opportunity to cooperate with you. Best regards!

Name(\*)

Phone Number(\*)

Mail adress(\*)

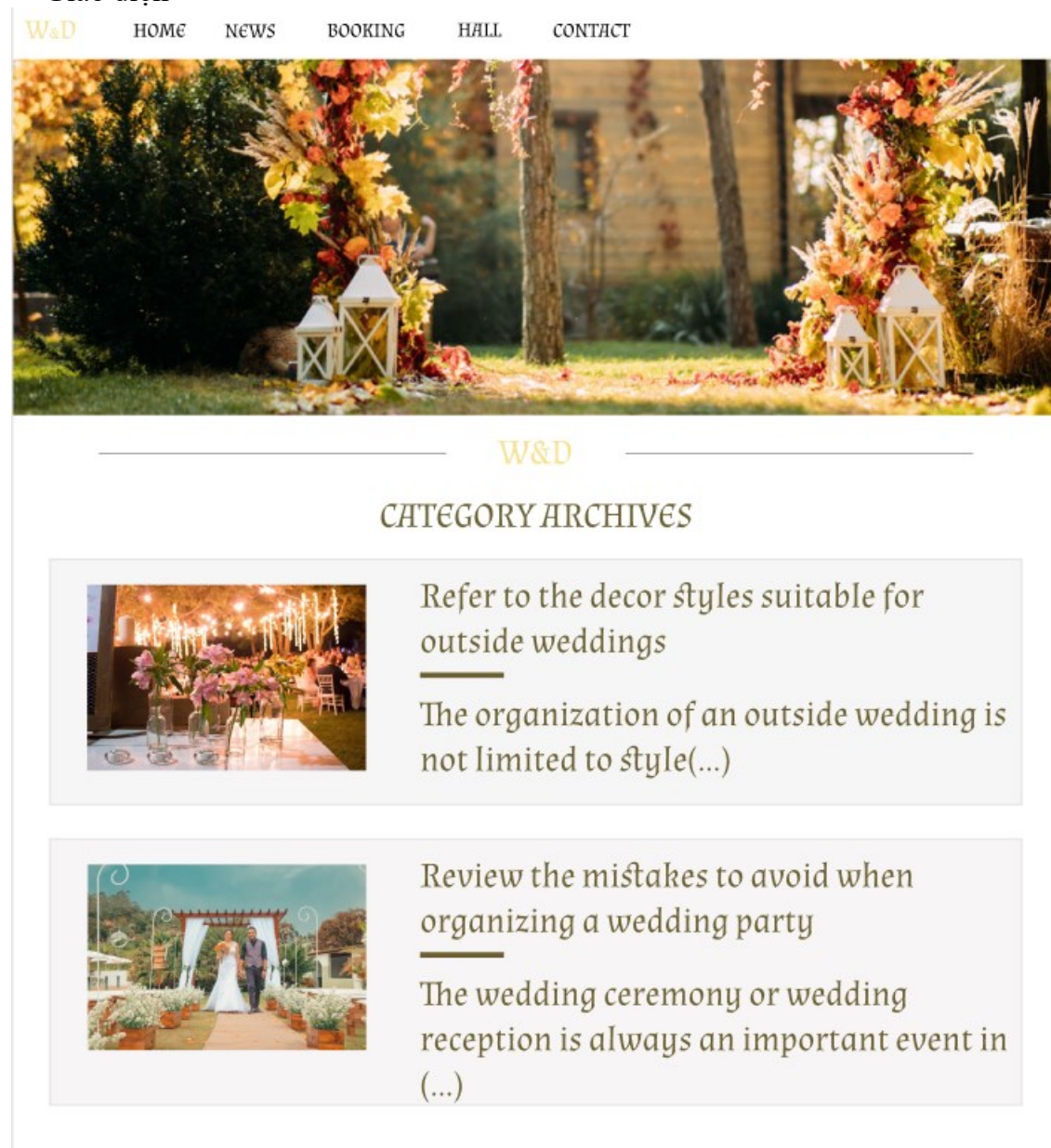
Content(\*)

### ● Mô tả các đối tượng trên màn hình

STT	Tên	Kiểu	Ràng buộc	Chức năng
1	username	TextField	NotNull	Nhập tài khoản
2	mail	TextField	NotNull	Nhập địa chỉ email
3	phone	TextField	NotNull	Nhập sdt
4	Content	TextField		Nhập content
5	send	Button		Gửi

### 5.2.3 Màn hình NEWS

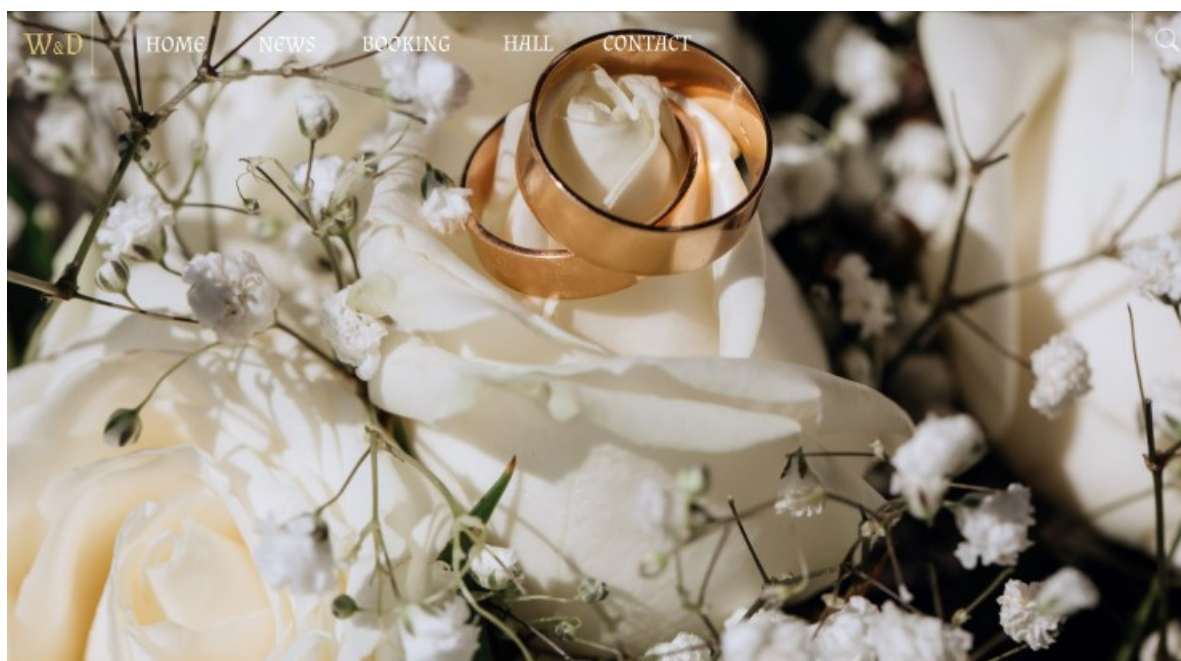
- Giao diện



### 5.2.4 Màn hình BOOKINGS

- Giao diện





## Booking

Date 1/4/2001	Shift 3	Hall V	Add
Number of table <input type="text"/>	Menu A	Service B	
Name :	<input type="text"/>		
Phone :	<input type="text"/>		
Mail :	<input type="text"/>		

### ● Mô tả các đối tượng trên màn hình

STT	Tên	Kiểu	Ràng buộc	Chức năng
1	username	TextField	NotNull	Nhập tài khoản
2	mail	TextField	NotNull	Nhập địa chỉ email
3	phone	TextField	NotNull	Nhập sdt

4	Date	TextField		Chọn ngày
5	Shift	TextField		Chọn khung giờ
6	Hall	TextField		Chọn sảnh
7	NofTable	TextField		Chọn số bàn
8	Menu	TextField		Chọn thực đơn
9	Service	TextField		Chọn dịch vụ đi kèm

### 5.2.5 Màn hình HALLS

#### ● Giao diện

W&D HOME NEWS BOOKING HALL CONTACT



W&D



W&D

W&D III (3RD-FLOOR LOBBY) WITH A TOTAL AREA OF 1,500M<sup>2</sup> LED SCREEN SIZE (9M X 4.5M) A COZY BUT EQUALLY LUXURIOUS PARTY SPACE, HERE THE STAGE IS PLACED IN THE MIDDLE OF THE ROOM TO INCREASE INTIMACY. THE BANQUET HALL AREA CAN BE EXPANDED FLEXIBLY TO SUIT PARTIES POPULAR FROM 300 GUESTS (30 TABLES) TO 1,800 GUESTS (180 TABLES) WITH A CAPACITY OF 300 - 1,800 OTHERS.

W&D

W&D II - IDEAL CONFERENCE SPACE CAN ACCOMMODATE ABOUT 20 - 100 GUESTS, LUXURIOUSLY DESIGNED, COZY,



## 5.2.6 Màn hình BILLS

### ● Giao diện

W&D HOME NEWS BOOKING HALL CONTACT



W&D

### LIST

HALL

V

DATE

1/4/2001

SHIFT

3

## V. CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN

### 6.1 Môi trường phát triển và môi trường triển khai

STT	Tên yêu cầu	Mức độ hoàn thành	Ghi chú
1	Điền thông tin	100%	
2	Đặt trước	100%	
3	Quản lý dịch vụ	100%	
4	Quản lý sảnh	100%	
5	Quản lý giá + thực đơn + Bàn	100%	
6	Thời gian	100%	

## 6.2 Kết quả đạt được

### 6.2.1 Ưu điểm

- Độ tin cậy: Hệ thống có thể kiểm tra dữ liệu nhập vào và cho phép tự động thực hiện một số kiểm tra tự động đối chiếu và tìm những bản ghi có sự chênh lệch về dữ liệu, thông báo các số liệu nhập sai để có hướng khắc phục.
- Tính bảo mật: hệ thống phân quyền rõ ràng với từng loại tài khoản, tương ứng với quyền hạn của các chức vụ khác nhau.
- Dễ sử dụng: Chương trình được thiết kế trên giao diện đồ họa với các cửa sổ, hộp thoại và hướng dẫn sử dụng hợp lý.
- Độ tối ưu: Các hình ảnh về sảnh cưới, dịch vụ, trang chủ, tin tức, booking, tương tác đều được lưu online thông qua DB browser (SQ Lite)
- Web có thể triển khai trên mọi máy tính với nhiều nền tảng khác nhau.

### 6.2.2 Nhược điểm

Bên cạnh các ưu điểm thì hệ thống quản lý tiệc cưới cũng có một số nhược điểm:



- Độ hoàn thiện còn chưa cao
- Có thể còn nhiều sai sót
- Dữ liệu được nhập bằng tay, không thể nhập liệu từ file.

### 6.3 Hướng phát triển

Với mục tiêu phát triển lâu dài và phát triển rộng rãi thì sản phẩm hệ thống quản lý tổ chức tiệc cưới có một số hướng phát triển nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm cho cả chủ cơ sở kinh doanh và cả khách hàng trong tương lai như sau:

- Thêm nhiều loại thống kê hơn
- Thêm chức năng tự động in liên hệ với khách hàng
- Thêm chức năng in ấn thống kê, hóa đơn, ...

### 6.4 Bảng phân công công việc:

STT	Tên	Nhiệm vụ
1	Ngô Đức Lợi	Code FE, thiết kế diagram + Usecase + UI/UX
X	Tăng Trí Đức	Report, thiết kế diagram + Usecase + UI/UX
3	Nguyễn Trung Hiếu	Code BE, thiết kế diagram + Usecase + UI/UX
4	Nguyễn Tiến Đức	Report, Thiết kế diagram + Usecase + UI/UX